



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 03

Ngày 01 tháng 01 năm 2016

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |             |  |    |
|-------------|--|----|
| 23-11-2015- | Quyết định số 53/2015/QĐ-UBND về việc thay thế Phụ lục IV - Bảng giá động vật rừng ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.  | 3  |
| 09-12-2015- | Quyết định số 54/2015/QĐ-UBND ban hành hệ số điều chỉnh giá đất theo vị trí để xác định giá đất tính tiền thuê đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.   | 10 |
| 10-12-2015- | Quyết định số 56/2015/QĐ-UBND về điều chỉnh đơn giá bồi thường cây mía quy định tại Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 9 tháng 1 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Biểu giá cây trồng, hoa màu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 13 |

- 10-12-2015- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 15

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

- 25-11-2015- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận 6. 37

### **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 04-12-2015- Quyết định số 6440/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 46
- 09-12-2015- Chỉ thị số 21/CT-UBND về tăng cường hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 66
- 10-12-2015- Chỉ thị số 22/CT-UBND về việc triển khai các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), TPP và Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 73

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2015/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2015*

### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thay thế Phụ lục IV - Bảng giá động vật rừng ban hành  
kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014  
của Ủy ban nhân dân Thành phố**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Căn cứ Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

Căn cứ Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm

2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2750/TTr-SNN ngày 09 tháng 11 năm 2015; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5899/STP-VB ngày 02 tháng 11 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá động vật rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Bảng giá này thay thế bảng giá động vật rừng trong Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố không thay đổi.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Công an Thành phố, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**BẢNG GIÁ ĐỘNG VẬT RỪNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 53/2015/QĐ-UBND*  
*ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Tên loài	Tên khoa học	Đơn vị tính	Mức giá (1.000 đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>BỘ KHỈ HẦU</b>				
1	Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>	con	600	
2	Khỉ sư tử	<i>Macaca Silenus</i>	con	600	
3	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina</i> ( <i>M.nemestrina</i> )	con	400	
4	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>	con	300	
5	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	con	600	
6	Khỉ mốc	<i>Macaca assamensis</i>	con	600	
<b>II</b>	<b>BỘ THÚ ĂN THỊT</b>				
7	Cầy giông	<i>Viverra zibetha</i>	Kg	300	
8	Cầy vằn	<i>Hemigalus Owstoni</i>	Kg	300	
9	Chồn vàng	<i>Martes Flavigula</i>	Kg	350	
10	Cầy vòi mốc	<i>Paguma Larvata</i>	Kg	300	
11	Cầy vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>	Kg	400	
12	Chồn hương	<i>Viverricula indica</i>	Kg	450	
13	Triết các loại	<i>Mustela</i>	con	200	
<b>III</b>	<b>BỘ MÓNG GUỐC</b>				
14	Cheo Cheo	<i>Tragulus javanicus</i>	Kg	200	
15	Heo rừng	<i>Sus scrofa</i>	Kg	100	
16	Mễn	<i>Muntiacus muntjak ananmensis</i>	Kg	120	
17	Nai	<i>Cervus unicolor</i>	Kg	100	
<b>IV</b>	<b>BỘ CÁ SÁU</b>				
18	Cá sấu Hoa cà	<i>Crocodylus porosus</i>	Kg	150	
19	Cá sấu nước ngọt (xiêm)	<i>Crocodylus siamensis</i>	Kg	150	
<b>V</b>	<b>BỘ HẠC</b>				
20	Diệc các loại	<i>Ardeidae</i>	con	30	

<b>VI</b>	<b>BỘ GÀ</b>				
21	Công Ấn độ	<i>Pavo Cristatatus</i>	con	1.500	
22	Công việt	<i>Pavo muticus</i>	con	250	
23	Gà rừng	<i>Gallus gallus</i>	con	100	
24	Trĩ các loại	<i>Rheinardia ocellata</i>	con	280	
25	Trích (gà nước)	<i>Porphyrio porphyrio</i>	con	100	
<b>VII</b>	<b>BỘ SẢ</b>				
26	Bim bíp	<i>Centropus sinensis</i>	con	100	
27	Cao cát	<i>Anthracoceros albirostris</i>	con	150	
28	Chim Cắt	<i>Falconidae</i>	con	40	
29	Chim đa đa	<i>Francolinus pintadeanus</i>	con	40	
30	Phuơn	<i>Carpococcyx renauldi</i>	con	50	
31	Điều đầu trắng	<i>Elanus caeruleus</i>	con	150	
32	Điều hâu	<i>Milvus migrans</i>	con	180	
33	Điều hoa	<i>Spilornis cheela</i>	con	180	
34	Đại bàng các loại	<i>Hieraaetus fasciatus</i>	con	900	
35	Le Le	<i>Dendrocygna javanica</i>	con	100	
36	Ó biển	<i>Morus bassamus</i>	con	180	
37	Vịt trời	<i>Anas poecilorhyncha</i>	con	50	
38	Quạ	<i>Corvus macrorhynchos</i>	con	60	
<b>VIII</b>	<b>BỘ CÓ VÂY</b>				
39	Cắc Ké (rắn mối)	<i>Dasia olivacea</i>	con	10	
40	Kỳ đà các loại	<i>Varanidae</i>	Kg	200	
41	Giông	<i>Leiolepis belliana Gray</i>	Kg	100	
42	Rắn Ráo trâu (Hổ Trâu, Hổ Hèo)	<i>Ptyas mucosus</i>	Kg	400	
43	Rắn Hổ Ngựa (Sọc Dưa)	<i>Elaphe radiata</i>	Kg	300	
44	Rắn lục	<i>Viperidae</i>	Kg	100	
45	Rắn Hổ Hành	<i>Xenopeltis unicolor</i>	Kg	200	
46	Rắn Lãi (ráo thường)	<i>Ptyas korros</i>	Kg	180	
47	Rắn trun	<i>Coronella austriaca</i>	Kg	150	
48	Rắn Choàm quạp	<i>Calloselasma Rhodostoma</i>	Kg	120	
49	Rắn nước, ri voi, ri cá	<i>Colubridae</i>	Kg	80	
50	Rắn cạp nia	<i>Bungarus candidus</i>	Kg	250	

51	Rắn cạp nong (Mai gầm)	<i>Bungarus fasciatus</i>	Kg	250	
52	Rắn Hồ Mang (Rắn hổ đất)	<i>Naja naja</i>	Kg	400	
53	Tắc Kè	<i>Gekko gekko</i>	con	25	
54	Trăn các loại	<i>Python</i>	Kg	200	
55	Thằn lằn núi	<i>Cyrtodactylus badenensis</i>	Kg	50	
56	Kỳ Tôm (rồng đất)	<i>Physignathus cocincinus</i>	Kg	200	
57	Kỳ nhông	<i>Iguana</i>	Kg	50	
<b>IX</b>	<b>BỘ CÓ ĐUÔI</b>				
58	Cá cóc Tam đảo	<i>Paramesotriton deloustali</i>	Kg	100	
<b>X</b>	<b>BỘ RÙA</b>				
59	Cua đỉnh	<i>Amyda cartilaginea</i>	Kg	350	
60	Rùa Bagờ	<i>Malayemys subtrijuga</i>	Kg	300	
61	Rùa Cổ bự	<i>Seibenrockiella crassicollis</i>	Kg	140	
62	Rùa Răng (càng Đước)	<i>Hieremys annandalii</i>	Kg	250	
63	Rùa đất các loại	<i>Geoemyda spengleri</i>	Kg	300	
64	Rùa núi viền	<i>Manouria impressa</i>	Kg	250	
65	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongata</i>	Kg	340	
66	Rùa Xanh (Rùa tai đỏ)	<i>Trachemys scripta elegans</i>	Kg	50	
<b>XI</b>	<b>BỘ SẺ</b>		Kg		
67	Chích chòe các loại	<i>Copsychus saularis</i>	con	100	
68	Chèo bẻo các loại	<i>dicrrus macrocencus</i>	con	50	
69	Họa Mi	<i>Garrulax canorus</i>	con	120	
70	Chia vôi	<i>Motacilla alba</i>	con	150	
71	Sáo các loại	<i>Acridotheres critatellus</i>	con	50	
72	Chim sẻ	<i>passer montanus</i>	con	5	
73	Chim cu đất	<i>Streptopelia chinensis</i>	con	30	
74	Yểng (Nhông)	<i>Gracula religiosa</i>	con	100	
75	Vành khuyên	<i>Zosterops palpebrosus</i>	con	60	
76	Chào mào	<i>Pycnonotus jocosus</i>	con	100	
77	Chim bồ chao	<i>Garrulax leucolophus</i>	con	100	
78	Thanh tước	<i>Chloropsis hardwickii</i>	con	100	

<b>XII</b>	<b>BỘ VỆT</b>				
79	Vẹt các loại	<i>Family Psittacidae</i>	con	30	
<b>XIII</b>	<b>BỘ CÚ</b>				
80	Cú lợn các loại	<i>Phodilus badius saturatus</i>	con	150	
81	Cú Mèo các loại	<i>Family Strigidae</i>	con	150	
82	Dù di	<i>Ketupa zeylonensis orientalis</i>	con	100	
<b>XIV</b>	<b>BỘ DƠI</b>				
83	Dơi ngựa	<i>Rousettus leschenaulti</i>	con	50	
84	Dơi quạ	<i>Megaderma lyra</i>	con	50	
<b>XV</b>	<b>BỘ YẾN</b>				
85	Yến Hàng	<i>Collocalia fuciphaga germami</i>	con	60	
86	Yến Phụng (Yến núi)	<i>Collocalia brevirostris innominata</i>	con	20	
<b>XVI</b>	<b>BỘ GẠM NHẮM</b>				
87	Don	<i>Atherurus macrourus</i>	Kg	250	
88	Dúi	<i>Rhizomys pruinosus</i>	Kg	200	
89	Nhím	<i>Hystrix brachyura</i>	Kg	180	
90	Sóc bay các loại	<i>Petaurista petaurista</i>	con	120	
91	Hải ly	<i>Castor Canadensis</i>	con	1.000	
92	Sóc	<i>Callosciurus erythraeus</i>	con	120	
<b>XVII</b>	<b>BỘ CÁNH VÃY</b>				
93	Bướm các loại	<i>Family papilionidae</i>	con	5	
94	Đuông chà là	<i>Phocnix paludosa</i>	con	30	
<b>XVIII</b>	<b>BỘ CÁNH CỨNG</b>				
95	Bồ cử các loại	<i>Elateri dae (Acteni cerus)</i>	con	1	
<b>XIX</b>	<b>BỘ HÌNH NHỆN</b>				
96	Bò Cạp	<i>Buthus sp</i>	con	6	
97	Rết	<i>Scolopendr sp</i>	con	15	
<b>XX</b>	<b>BỘ SẾU</b>				
98	Sếu xám	<i>Balearica regulorum</i>	con	60	
99	Chim rẽ mỏ thìa	<i>Spoon billed sandpiper</i>	con	1.100	
<b>XXI</b>	<b>LOẠI KHÁC</b>				



100	Sâu Keo	<i>Spodoptera mouitia</i>	Kg	300	
101	Địa sâm	<i>Physcolosoma sp</i>	Kg	30	

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2015/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất theo vị trí để  
xác định giá đất tính tiền thuê đất trong khu công nghiệp,  
khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn giá đất;

Xét báo cáo, đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6826/TTr-TNMT-KTĐ ngày 10 tháng 9 năm 2015 và Công văn số 9492/TNMT-KTĐ ngày 27 tháng 11 năm 2015; ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 8048/STC-BVG ngày 22 tháng 10 năm 2015; ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 6577/STP-VB ngày 07 tháng 12 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quyết định này quy định về hệ số điều chỉnh giá đất theo vị trí để xác định giá đất tính tiền thuê đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng cho các trường hợp sau:

1. Thửa đất, khu đất có giá trị dưới 30 tỷ đồng (tính theo giá đất trong bảng giá đất) theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

2. Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm khi điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo.

**Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất theo vị trí để xác định giá đất tính tiền thuê đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất**

1. Đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ thì hệ số điều chỉnh giá đất theo vị trí là 0,35 lần so với giá đất ở tại vị trí mặt tiền đường của khu công nghiệp, khu chế xuất được quy định trong Bảng giá các loại đất tại Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Đối với đất thương mại, dịch vụ thì hệ số điều chỉnh giá đất theo vị trí là 0,45 lần so với giá đất ở tại vị trí mặt tiền đường của khu công nghiệp, khu chế xuất được quy định trong Bảng giá các loại đất tại Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Khi áp dụng hệ số quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này để tính giá đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất thì:

a) Đối với các quận: giá đất không được thấp hơn 900.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ và 1.200.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với đất thương mại, dịch vụ.

b) Đối với các huyện: giá đất không được thấp hơn 72.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ và 96.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với đất thương mại, dịch vụ.

**Điều 3.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Cục Thuế Thành phố và Ban Quản lý các khu chế xuất và công

nghiệp căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao hướng dẫn cho các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất thực hiện.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký. Hệ số điều chỉnh giá đất theo vị trí để xác định giá đất tính tiền thuê đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Bảng giá các loại đất quy định tại Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan để tổng hợp đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tất Thành Cang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2015

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về điều chỉnh đơn giá bồi thường cây mía quy định  
tại Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 9 tháng 1 năm 2015  
của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Biểu giá cây trồng,  
hoa màu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3029/SNN-KHTC ngày 07 tháng 12 năm 2015 về điều chỉnh đơn giá bồi thường cây mía; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 9077/STC-BVG ngày 26 tháng 11 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay điều chỉnh mục 4, phần IV, của Biểu giá cây trồng, hoa màu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố) như sau:

<b>STT</b>	<b>Loại cây trồng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>Mía đường</b>		
	- Vụ 1 (Vụ trồng chính)	67,5 triệu đồng/ha	- Năng suất: 75 tấn/ha (trương ứng với số cây thu hoạch khoảng 58.000 cây/ha), đơn giá 900.000 đồng/tấn;

	- Vụ 2 (Vụ trồng phụ)	63 triệu đồng/ha	- Năng suất: 70 tấn/ha (tương ứng với số cây thu hoạch khoảng 54.000 cây/ha), đơn giá 900.000 đồng/tấn
<b>2</b>	<b>Mía thực phẩm</b>		
	Cây mía cao thân trên 1,7 m	10.000 đồng/cây	Chiều cao thân được xác định là từ gốc đến hết lóng cao nhất
	Cây mía cao thân 1,5 – 1,7 m	7.000 đồng/cây	
	Cây mía cao thân 1,2-1,5 m	5.000 đồng/cây	
	Cây mía cao thân dưới 1,2 m	2.000 đồng/cây	

**Ghi chú:** Số cây trong trường hợp xác định đơn giá đối với diện tích nhỏ, quy mô hộ gia đình

**Điều 2.** Các nội dung khác tại Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 9 tháng 1 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Biểu giá cây trồng, hoa màu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh không thay đổi.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tất Thành Cang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/2015/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9496/TTr-TNMT-QLTN ngày 27 tháng 11 năm 2015; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 6225/STP-VB ngày 18 tháng 11 năm 2015, Công văn số 876/STP-VB ngày 14 tháng 02 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Các hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước được Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục giải quyết theo Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND và các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Quản lý tài nguyên nước**

#### **trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND  
ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này áp dụng đối với việc quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước (trừ nước khoáng và nước nóng thiên nhiên), xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất, hành nghề tư vấn trong lĩnh vực tài nguyên nước (gọi chung là hoạt động tài nguyên nước) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các Sở, ban, ngành (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước), Ủy ban nhân dân quận, huyện (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

##### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài nguyên nước bao gồm nguồn nước mặt, nước dưới đất, nước mưa và nước biển thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nước mặt là nước tồn tại trên mặt đất liền hoặc hải đảo.

3. Nước dưới đất là nước tồn tại trong các tầng chứa nước dưới đất.

4. Nước thải là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do các hoạt động của con người xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường.

5. Nguồn nước liên tỉnh là nguồn nước phân bố trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

6. Nguồn nước nội tỉnh là nguồn nước phân bố trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Lưu vực sông là vùng đất mà trong phạm vi đó nước mặt, nước dưới đất chảy tự nhiên vào sông và thoát ra một cửa chung hoặc thoát ra biển.

Lưu vực sông gồm có lưu vực sông liên tỉnh và lưu vực sông nội tỉnh.

8. Lưu vực sông liên tỉnh là lưu vực sông nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

9. Lưu vực sông nội tỉnh là lưu vực sông nằm trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

10. Nước sinh hoạt là nước sạch hoặc nước có thể dùng cho ăn, uống, vệ sinh của con người.

11. Nước sạch là nước có chất lượng đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về nước sạch của Việt Nam.

12. Nguồn nước sinh hoạt là nguồn nước có thể cung cấp nước sinh hoạt hoặc có thể xử lý thành nước sinh hoạt.

13. Ô nhiễm nguồn nước là sự biến đổi tính chất vật lý, tính chất hóa học và thành phần sinh học của nước không phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho phép, gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật.

14. Suy thoái nguồn nước là sự suy giảm về số lượng, chất lượng nguồn nước so với trạng thái tự nhiên hoặc so với trạng thái của nguồn nước đã được quan trắc trong các thời kỳ trước đó.

15. Cạn kiệt nguồn nước là sự suy giảm nghiêm trọng về số lượng của nguồn nước, làm cho nguồn nước không còn khả năng đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng và duy trì hệ sinh thái thủy sinh.

16. Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt là vùng phụ cận khu vực lấy nước từ nguồn nước được quy định phải bảo vệ để phòng, chống ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt.

17. Hành lang bảo vệ nguồn nước là phần đất giới hạn dọc theo nguồn nước hoặc bao quanh nguồn nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

18. Công trình khai thác nước dưới đất là hệ thống gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m.

19. Công trình khai thác nước mặt bao gồm hồ chứa, đập dâng, đập tràn, kênh dẫn nước, cống, trạm bơm khai thác nước mặt.

20. Lưu lượng khai thác nước dưới đất của một công trình là tổng lưu lượng của các giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc công trình đó.

21. Quan trắc nước dưới đất là quá trình đo đạc, theo dõi một cách có hệ thống về mực nước, lưu lượng và các chỉ tiêu chất lượng của nguồn nước dưới đất nhằm cung cấp thông tin phục vụ việc đánh giá hiện trạng, diễn biến số lượng, chất lượng và các tác động khác đến nguồn nước dưới đất.

22. Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 110 milimét và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

23. Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 250 milimét và thuộc công trình có lưu lượng từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

## **Chương II**

### **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

**Điều 4. Kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước; trách nhiệm điều tra, đánh giá tài nguyên nước**

1. Tổ chức xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của Thành phố.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của Thành phố, trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp chưa có quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước thì căn cứ tình hình thực tế về thông tin, dữ liệu tài nguyên nước để xây dựng các nội dung trong kế hoạch điều tra cơ bản phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố.

## 2. Trách nhiệm thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị liên quan, tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước của Thành phố; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **Điều 5. Lập, phê duyệt, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước**

### 1. Quy hoạch tài nguyên nước của Thành phố

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị liên quan, tổ chức lập quy hoạch tài nguyên nước của Thành phố; tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường; công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước của Thành phố đã được phê duyệt.

2. Quy hoạch về thủy lợi, thủy điện, cấp nước, giao thông đường thủy nội địa và các quy hoạch khác có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước (sau đây gọi chung là quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước) do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước.

3. Trong hành lang bảo vệ nguồn nước, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện không quy hoạch, chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư và nghiêm cấm việc xây dựng mới các bệnh viện, cơ sở y tế điều trị bệnh truyền nhiễm, nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải, cơ sở sản xuất hóa chất độc hại, cơ sở sản xuất, chế biến có chất thải, nước thải nguy hại.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt các nhiệm vụ về quy hoạch tài nguyên nước.

## **Điều 6. Vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất**

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị liên quan:

1. Tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá xác định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; lập, công bố danh mục, bản đồ phân vùng khai thác nước dưới đất.

2. Tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá, xác định khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất; lập danh mục, công bố khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

### **Điều 7. Phòng, chống, xử lý sạt, lở bờ, bãi sông**

Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông và các đơn vị liên quan, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục.

**Điều 8. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước; bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước**

#### 1. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước

Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn Thành phố và tổ chức công bố, thực hiện; có trách nhiệm cung cấp thông tin kết quả thực hiện cho Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### 2. Lập, quản lý hành lang vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn Thành phố và tổ chức công bố, thực hiện.

3. Tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước.

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ kiểm tra, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn Thành phố.

4. Bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam bộ thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng, thủy văn các vùng trên địa bàn Thành phố; mức độ xâm nhập mặn theo các triền sông vào nội địa; tình hình khai thác, sử dụng nguồn nước và xả nước thải vào nguồn nước; cung cấp kịp thời số liệu về tài nguyên nước cho các ngành, các cấp thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.

b) Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị liên quan đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước trên địa bàn Thành phố.

### **Điều 9. Quan trắc, giám sát tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước nội tỉnh**

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý mạng quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố, bao gồm: các trạm quan trắc lượng mưa; các trạm quan trắc lưu lượng, mực nước, chất lượng nước của các nguồn nước mặt, nước dưới đất; kết nối với mạng lưới quan trắc của trung ương; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch phục hồi nguồn nước nội tỉnh, tổ chức thực hiện kế hoạch phục hồi nguồn nước nội tỉnh.

**Điều 10. Tổ chức lấy ý kiến đối với dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nguồn nước liên tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước liên tỉnh; dự án xây dựng công trình chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức lấy ý kiến dự án xây dựng công trình có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nguồn nước liên tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước liên tỉnh như sau:

a) Công trình hồ, đập có tổng dung tích từ 500 triệu m<sup>3</sup> trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 10 m<sup>3</sup>/giây trở lên;

b) Công trình hồ, đập làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên của sông, suối trên một đoạn có chiều dài từ một (01) km trở lên;

c) Công trình xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên;

d) Các dự án xây dựng công trình chuyên nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy mô, phương án chuyển nước đối với dự án xây dựng công trình có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh.

**Điều 11. Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động tài nguyên nước, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước; thanh tra, kiểm tra, thực hiện chế độ báo cáo hoạt động tài nguyên nước**

1. Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi, cấp lại giấy phép hoạt động tài nguyên nước, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, thẩm định, xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi, cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, giấy phép khai thác, sử dụng nước biển, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác nước dưới đất, nước mặt, nước biển theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Thực hiện việc thu phí thẩm định hồ sơ, lệ phí cấp phép về tài nguyên nước, thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; quản lý hồ sơ cấp phép, giấy phép sau khi cấp phép.

2. Thanh tra, kiểm tra, thực hiện chế độ báo cáo hoạt động tài nguyên nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Thanh tra, kiểm tra, phối hợp thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước sau khi được cấp giấy phép; thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về tài nguyên nước.

b) Xây dựng kế hoạch, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và những nhiệm vụ cụ thể được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã về hoạt động tài nguyên nước.

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình quản lý, cấp phép hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố.

**Điều 12. Xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước****1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:**

a) Tổ chức thu thập, tổng hợp tài liệu liên quan đến tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố; điều tra bổ sung thông tin, dữ liệu tài nguyên nước, cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của Thành phố.

b) Quản lý, lưu trữ thông tin, cập nhật dữ liệu về tài nguyên nước, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; tiếp nhận, xử lý dữ liệu về tài nguyên nước từ các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, tích hợp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; cung cấp dữ liệu về tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý và khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

2. Các Sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý dữ liệu tài nguyên nước, cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của Thành phố.

a) Sở Giao thông vận tải phối hợp với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn cung cấp số liệu, dữ liệu về cấp nước sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp số liệu, dữ liệu về sử dụng nước trong nông nghiệp, công trình thủy lợi, hồ chứa thủy lợi, thủy điện, dự án có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

c) Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước Thành phố cung cấp số liệu, dữ liệu của các đơn vị thu nhận, xử lý nước thải, mạng lưới thoát nước do Trung tâm chống ngập thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố làm chủ sở hữu.

d) Ban Quản lý các khu chế xuất - khu công nghiệp cung cấp số liệu, dữ liệu về các đơn vị thu nhận, xử lý nước thải khu công nghiệp, khu chế xuất.

đ) Ban Quản lý khu công nghệ cao cung cấp số liệu, dữ liệu về các đơn vị thu nhận, xử lý nước thải khu công nghệ cao.

e) Sở Y tế cung cấp số liệu kết quả kiểm tra định kỳ chất lượng nguồn nước khai thác cho mục đích sinh hoạt, chất lượng nước thải tại các bệnh viện, cơ sở y tế.

g) Sở Công thương cung cấp số liệu, dữ liệu về sử dụng nước và xả nước thải trong các cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất riêng lẻ.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý dữ liệu về tài nguyên



nước trên địa bàn theo quy định; cung cấp dữ liệu về tài nguyên nước cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của Thành phố.

4. Kinh phí thu thập, quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước: kinh phí vận hành hệ thống, thu thập, xử lý dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố do ngân sách nhà nước bảo đảm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ, kinh phí xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học nhằm sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả**

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng các chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt; tổng hợp kế hoạch đầu tư kinh phí cho các chương trình, dự án về hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

**Điều 14. Tài chính về tài nguyên nước**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc xây dựng giá tính thuế tài nguyên nước theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế Thành phố, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc xây dựng các biểu phí, lệ phí cấp phép hoạt động tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước sau khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính.

3. Cục Thuế Thành phố tổ chức thực hiện thu thuế tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên và các quy định khác có liên quan.

**Chương III**

**TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC CỦA  
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

**Điều 15. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo, điều hành các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước. Đề xuất chính sách quản lý cho từng thời kỳ đảm bảo phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước.

2. Tổ chức lấy ý kiến đối với dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nguồn nước nội tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước nội tỉnh; dự án xây dựng công trình chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất có quy mô lớn.

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi nguồn nước nội tỉnh chảy qua, có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nguồn nước nội tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước nội tỉnh gồm:

- Công trình hồ, đập có tổng dung tích từ 500 triệu m<sup>3</sup> trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 10 m<sup>3</sup>/giây trở lên;

- Công trình hồ, đập làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên của sông, suối trên một đoạn có chiều dài từ một (01) km trở lên;

- Công trình xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi nguồn nước nội tỉnh bị chuyển nước, có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với dự án xây dựng công trình chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi dự kiến bố trí công trình khai thác nước dưới đất, có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng từ 12.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.

3. Điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường; tiếp nhận thông báo, kết quả trám lấp của chủ giếng và thông báo ý kiến của mình bằng văn bản (nếu có) tới chủ giếng theo quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 của Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kiểm tra, giám sát việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng; lưu giữ biên bản trám lấp giếng; phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết khiếu nại trong việc xử lý, trám lấp giếng.

4. Thu thập, lưu trữ dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định; cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của Thành phố; tiếp nhận tài liệu từ Sở Tài nguyên và Môi trường để lập dữ liệu lưu trữ tại địa phương.

5. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký khai thác nước dưới đất đối với các trường hợp phải đăng ký theo quy định.

6. Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi, cấp lại giấy phép hoạt động tài nguyên nước, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, thẩm định, xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi, cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác nước dưới đất theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Thực hiện việc thu phí thẩm định hồ sơ, lệ phí cấp phép về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường; quản lý hồ sơ cấp phép, giấy phép sau khi cấp phép.

7. Thanh tra, kiểm tra, phối hợp thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về tài nguyên nước.

8. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra.

a) Bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn quản lý, bao gồm: nước dưới đất, nước trong sông, suối, kênh, rạch, ao, hồ trên đất liền, hải đảo.

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt, địa điểm khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn.

c) Kiểm soát, giám sát chặt chẽ ao, hồ chứa nước thải, khu chứa nước thải trên địa bàn; trong thực hiện việc đào, xây dựng các hồ chôn xác động vật chết khi có dịch, đáy và thành bên các hồ phải được chống thấm, chống tràn bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước.

d) Đối với nơi có nguồn nước liên tỉnh, có trách nhiệm theo dõi, phát hiện sự cố

ô nhiễm; trường hợp xảy ra sự cố thì phải chủ động tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm; xử lý, giảm thiểu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức chỉ đạo xử lý.

đ) Đối với những đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông phối hợp với các ngành chức năng xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

e) Đối với vùng ven biển và vùng ảnh hưởng thủy triều, phối hợp với các ngành chức năng có biện pháp quản lý, bảo vệ đê biển, vận hành các cống ngăn mặn, giữ ngọt đảm bảo đúng quy trình; khai thác nước dưới đất phải bảo đảm phòng, chống xâm nhập mặn cho các tầng chứa nước dưới đất; bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ chắn sóng để phòng chống xâm nhập mặn và nước biển dâng.

g) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; phòng chống khắc phục hậu quả, tác hại do khai thác nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước.

9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân, đơn vị hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn quản lý; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường cấp xã.

10. Hòa giải, giải quyết tranh chấp về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước các trường hợp không phải xin phép, các trường hợp cấp phép theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

11. Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất tổng hợp, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình quản lý, bảo vệ, cấp phép hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

12. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố.

### **Điều 16. Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra; thống kê, theo dõi, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước tại địa phương.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lấy ý kiến đối với dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nguồn nước nội tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước nội tỉnh; dự án xây dựng công trình chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất có quy mô lớn tại Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 15 Quy định này.

4. Tổ chức niêm yết công khai danh mục giếng phải trám lấp; tiếp nhận thông báo trám lấp, kết quả trám lấp của chủ giếng và thông báo ý kiến của mình bằng văn bản (nếu có) tới chủ giếng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp của chủ giếng và tổ chức, cá nhân thi công trám lấp đối với các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 10 của Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Tổ chức đăng ký, tiếp nhận, kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện; quản lý, lưu trữ hồ sơ đăng ký, lập sổ theo dõi, cập nhật số liệu đăng ký, tổng hợp kết quả đăng ký, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra các công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, xử lý vi phạm hoặc kiến nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo thẩm quyền.

7. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân liên quan quản lý, bảo vệ trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước trên địa bàn.

8. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

9. Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

10. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Chương IV****CẤP PHÉP, ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

**Điều 17. Nguyên tắc cấp phép; căn cứ cấp phép; điều kiện cấp phép; thời hạn của giấy phép; gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép, trả lại giấy phép, chấm dứt hiệu lực của giấy phép, cấp lại giấy phép hoạt động tài nguyên nước; chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước**

1. Nguyên tắc cấp phép; căn cứ cấp phép; điều kiện cấp phép; thời hạn giấy phép; gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, chấm dứt hiệu lực, cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, giấy phép khai thác, sử dụng nước biển, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 39 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và Điều 3, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước.

2. Điều kiện cấp phép; thời hạn giấy phép; gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 15 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

**Điều 18. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải đăng ký, không phải xin phép**

1. Khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt của hộ gia đình;
2. Khai thác, sử dụng nước biển để sản xuất muối;
3. Khai thác, sử dụng phục vụ các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học;
4. Khai thác, sử dụng nước cho phòng cháy, chữa cháy, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp;

5. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước với quy mô nhỏ cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bao gồm:

a) Khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá  $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 20 của Quy định này;

b) Khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá  $0,1 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ;

c) Khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp không vượt quá  $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy không vượt quá 50 kW;

đ) Khai thác, sử dụng nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với quy mô không vượt quá  $10.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ; khai thác, sử dụng nước biển phục vụ các hoạt động trên biển, đảo.

**Điều 19. Các trường hợp xả nước thải vào nguồn nước không phải đăng ký, không phải xin phép**

1. Xả nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình;

2. Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá  $5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  và không phải là cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

a) Dệt nhuộm; may mặc có công đoạn nhuộm, in hoa; giặt là có công đoạn giặt tẩy;

b) Luyện kim, tái chế kim loại, mạ kim loại; sản xuất linh kiện điện tử;

c) Xử lý, tái chế chất thải công nghiệp; thuộc da, tái chế da;

d) Chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất; lọc hóa dầu, chế biến sản phẩm dầu mỏ;

đ) Sản xuất giấy và bột giấy; nhựa, cao su, chất tẩy rửa, phụ gia, phân bón, hoá chất, dược phẩm, đông dược, hoá mỹ phẩm, thuốc bảo vệ thực vật; pin, ắc quy; mây tre đan, chế biến gỗ có ngâm tẩm hóa chất; chế biến tinh bột sắn, bột ngọt;

e) Khám chữa bệnh có phát sinh nước thải y tế;

g) Thực hiện thí nghiệm có sử dụng hóa chất, chất phóng xạ.

Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2 Điều này thì phải có giấy phép xả nước thải vào nguồn

nước.

3. Xả nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung mà hệ thống đó đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và có thỏa thuận hoặc hợp đồng xử lý, tiêu thoát nước thải với tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đó;

4. Xả nước thải nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm vào nguồn nước hoặc nuôi trồng thủy sản trên biển, sông, suối, hồ chứa.

#### **Điều 20. Các trường hợp khai thác nước dưới đất phải đăng ký**

Tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Điểm a Khoản 5 Điều 18 của Quy định này mà nằm trong khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất theo Quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố và có chiều sâu giếng lớn hơn 20 m thì phải thực hiện việc đăng ký khai thác nước dưới đất.

#### **Điều 21. Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép hoạt động tài nguyên nước; đăng ký khai thác nước dưới đất**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép đối với các trường hợp sau:

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m<sup>3</sup>/giờ;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

đ) Khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

e) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản;

g) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với các hoạt động khác.



h) Hành nghề khoan nước dưới đất có quy mô vừa và nhỏ đối với các tổ chức, cá nhân có địa chỉ thường trú trên địa bàn Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép đối với các trường hợp sau:

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất các công trình có lưu lượng khai thác dưới  $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , trừ các trường hợp đăng ký, các trường hợp không phải xin phép.

b) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới  $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , trừ các trường hợp không phải xin phép.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký, tiếp nhận, lưu trữ và quản lý hồ sơ đăng ký khai thác nước dưới đất đối với các trường hợp phải đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định tại Điều 20 Quy định này.

4. Các trường hợp khai thác, sử dụng nước mặt trong phạm vi các công trình thủy lợi, xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố thực hiện theo quy định tại Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND và các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **Điều 22. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký, chấm dứt hiệu lực đăng ký khai thác nước dưới đất**

1. Trình tự, thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

Mẫu Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

2. Tổ chức, cá nhân đã đăng ký khai thác nước dưới đất, nếu không tiếp tục khai thác, sử dụng thì phải thông báo và trả tờ khai cho cơ quan đăng ký và thực hiện việc trám, lấp giếng không sử dụng theo quy định.

### **Điều 23. Trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp phép hoạt động tài nguyên nước**

1. Trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực,

thu hồi, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước thực hiện theo quy định tại Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và Điều 9 của Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước.

Mẫu đơn, nội dung đề án, nội dung báo cáo đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

Mẫu đơn, nội dung các bản kê khai đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

#### **Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước**

Các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 43 của Luật Tài nguyên nước.

#### **Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép xả nước thải vào nguồn nước**

Các tổ chức, cá nhân được phép xả nước thải vào nguồn nước có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

#### **Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề khoan nước dưới đất**

Các tổ chức, cá nhân được phép hành nghề khoan nước dưới đất có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

#### **Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hành nghề tư vấn trong lĩnh vực tài nguyên nước**

Các tổ chức, cá nhân hành nghề tư vấn trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT.

## **Chương V**

### **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

#### **Điều 28. Chế độ báo cáo**

1. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm và đột xuất, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đăng ký hoạt động tài nguyên nước thuộc ngành và trên địa bàn quản lý về Sở Tài nguyên và Môi trường. Nội dung báo cáo cần trình bày rõ tình hình quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn, những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị và đề xuất giải quyết.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận các báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ hoạt động tài nguyên nước của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và có trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

#### **Điều 29. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

## **Chương VI**

### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 30. Khen thưởng**

1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước.

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

**Điều 31. Xử lý vi phạm**

Tổ chức, cá nhân có các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố, thì tùy thuộc mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại gây ra theo các quy định pháp luật hiện hành.

**Chương VII  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 32. Điều khoản thi hành**

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 6****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2015/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 25 tháng 11 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận 6****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 68/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Bệnh viện quận 6 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 6;

Căn cứ Quyết định số 4048/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về xếp hạng Bệnh viện Quận 6 trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 6;

Xét đề nghị của Giám đốc Bệnh viện quận 6 (tại Công văn số 560/BV ngày 23 tháng 9 năm 2015), Trưởng phòng Nội vụ quận 6 (tại Tờ trình số 1050/TTr-NV ngày 17 tháng 11 năm 2015) và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp (tại Công văn số 752/TP ngày 05 tháng 11 năm 2015),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận 6.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1826/2007/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 6 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận 6.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng phòng Nội vụ quận 6, Giám đốc Bệnh viện quận 6, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Ngô Thành Luông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận 6**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân quận 6)*

### **Chương I** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Vị trí**

Bệnh viện quận 6 là đơn vị sự nghiệp y tế chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân quận 6, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn, kỹ thuật theo ngành của Sở Y tế.

#### **Điều 2. Tư cách pháp lý**

Bệnh viện quận 6 là đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản ở Kho bạc nhà nước.

### **Chương II** **HỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

#### **Điều 3. Chức năng**

Bệnh viện quận 6 có chức năng khám chữa bệnh, thực hiện các chương trình quốc gia về y tế được giao, hướng dẫn các hoạt động thuộc lĩnh vực đó theo đúng chính sách, luật pháp, các quy định của Nhà nước.

#### **Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn**

##### **1. Cấp cứu - khám bệnh - chữa bệnh:**

a) Tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh từ ngoài vào hoặc từ các cơ sở y tế chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú và ngoại trú;

b) Tổ chức khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định của Nhà nước;

c) Có trách nhiệm giải quyết toàn bộ bệnh về nội khoa, ngoại khoa và phạm vi phẫu thuật thủ thuật được Sở Y tế cho phép;

d) Tổ chức giám định sức khỏe khi có yêu cầu;

đ) Chuyển người bệnh lên tuyến trên khi bệnh viện không đủ khả năng giải quyết.

2. Đào tạo cán bộ y tế:

a) Bệnh viện là cơ sở thực hành để đào tạo cán bộ y tế ở bậc đại học, cao đẳng và trung học;

b) Tổ chức đào tạo liên tục cho các thành viên trong bệnh viện để nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Nghiên cứu khoa học về y học:

a) Tổ chức nghiên cứu, hợp tác nghiên cứu các đề tài y học ở cấp Nhà nước, cấp Bộ hoặc cấp Cơ sở, chú trọng nghiên cứu về y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc;

b) Nghiên cứu triển khai dịch tễ học cộng đồng thuộc lĩnh vực chuyên môn để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu;

c) Kết hợp với bệnh viện tuyến trên và các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành để phát triển kỹ thuật của Bệnh viện.

4. Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật:

a) Lập kế hoạch và chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật (Trạm Y tế phường trong địa bàn Quận 6) khi Trung tâm Y tế Dự phòng quận yêu cầu;

b) Kết hợp với Trung tâm Y tế dự phòng quận thực hiện các chương trình về chăm sóc sức khỏe ban đầu trong địa bàn thành phố và các ngành.

5. Phòng bệnh:

Phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng quận thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phòng bệnh, phòng dịch.

6. Hợp tác quốc tế:

Hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ở ngoài nước theo quy định của Nhà nước.

7. Quản lý kinh tế về y tế:



a) Có kế hoạch sử dụng hiệu quả cao ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn kinh phí. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về thu, chi tài chính, từng bước thực hiện hạch toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh;

b) Tạo thêm nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế: Viện phí, bảo hiểm y tế, đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế.

8. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao và theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG**

### **Điều 5. Giám đốc và Phó Giám đốc Bệnh viện**

1. Bệnh viện quận 6 do Giám đốc phụ trách, có từ hai đến ba Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc.

2. Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác của Bệnh viện quận 6, đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật của Sở Y tế thành phố.

3. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc phân công phụ trách một số công việc cụ thể, liên đới chịu trách nhiệm trước cấp trên về những công việc được phân công phụ trách và được ủy quyền thực hiện một số công việc cụ thể khi Giám đốc vắng mặt.

4. Giám đốc, Phó Giám đốc Bệnh viện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định bổ nhiệm theo quy định.

5. Giám đốc Bệnh viện quận quyết định bổ nhiệm Trưởng, Phó các phòng, khoa trực thuộc Bệnh viện.

6. Việc bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Bệnh viện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định.

### **Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Bệnh viện**

1. Các phòng:

a) Phòng Kế hoạch tổng hợp;

b) Phòng Vật tư, thiết bị y tế;

- c) Phòng Điều dưỡng;
- d) Phòng Tổ chức;
- đ) Phòng Hành chính quản trị;
- e) Phòng Tài chính Kế toán.

2. Các khoa:

- a) Khoa Khám bệnh;
- b) Khoa Y học cổ truyền;
- c) Khoa Phục hồi chức năng;
- d) Khoa Cấp cứu, hồi sức tích cực và chống độc;
- đ) Khoa Nội tổng hợp;
- e) Khoa Nội tim mạch - Lão học;
- g) Khoa Truyền nhiễm;
- h) Khoa Ngoại tổng hợp;
- i) Khoa Gây mê hồi sức;
- k) Khoa Phụ sản;
- l) Khoa Nhi;
- m) Khoa Xét nghiệm (Huyết học, hóa sinh, vi sinh);
- n) Khoa Chẩn đoán hình ảnh;
- o) Khoa Thăm dò chức năng;
- p) Khoa Dược;
- q) Khoa Dinh dưỡng, tiết chế;
- r) Khoa Tai - mũi - họng;
- s) Khoa Răng - hàm - mặt;
- t) Khoa Mắt;
- u) Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.

3. Giám đốc Bệnh viện quận có trách nhiệm sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự và thực hiện chế độ chính sách, chế độ lao động tiền lương hiện hành đối với viên chức thuộc Bệnh viện quận theo đúng quy định; đồng thời, ban hành văn bản

quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, khoa trực thuộc Bệnh viện quận.

**Điều 7.** Biên chế của Bệnh viện quận 6 do Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định phân bổ trên cơ sở khối lượng công việc và trong phạm vi chỉ tiêu biên chế sự nghiệp y tế quận được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao hàng năm.

**Điều 8.** Kinh phí hoạt động, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng và trang thiết bị y tế thực hiện theo quy định của Nhà nước.

## **Chương IV**

### **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

#### **Điều 9. Chế độ làm việc**

##### **1. Chế độ hội họp:**

a) Bệnh viện quận 6 họp giao ban toàn Bệnh viện hàng ngày. Hàng tuần, lãnh đạo Bệnh viện họp với Bí thư chi bộ hoặc Đại diện Cấp ủy chi bộ. Hàng tháng, Ban Giám đốc và Trưởng các phòng, khoa họp để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng và đề ra kế hoạch công tác cho tháng tới; đồng thời, phổ biến các chủ trương chính sách, chế độ mới của Nhà nước và nhiệm vụ ở địa phương do cấp trên triển khai;

b) Bệnh viện quận tổ chức giao ban các khoa theo Quy chế Bệnh viện do Bộ Y tế ban hành;

c) Định kỳ 6 tháng và một năm Bệnh viện quận báo cáo sơ kết, tổng kết công tác theo quy định;

d) Bệnh viện quận tổ chức họp đột xuất để triển khai các công tác quan trọng và cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận và Sở Y tế thành phố.

##### **2. Chế độ làm việc:**

a) Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật và Luật Viên chức, quy định về 12 điều y đức của Bộ Y tế. Hoàn thành nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao, trong giờ làm việc phải mặc đồng phục và đeo bảng tên theo quy định;

b) Viên chức và người lao động phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến cán bộ phụ trách và lãnh đạo Bệnh viện quận, của đồng nghiệp, cũng như của người bệnh và gia đình người bệnh.

## **Chương V**

### **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 10. Đối với Ủy ban nhân dân quận 6**

Bệnh viện quận 6 chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân quận 6. Giám đốc trực tiếp nhận chỉ thị của Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân quận và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận 6 về việc thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

#### **Điều 11. Đối với Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh**

Bệnh viện quận 6 chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của Sở Y tế, đồng thời thực hiện và báo cáo công tác chuyên môn kỹ thuật theo yêu cầu của Giám đốc Sở Y tế.

#### **Điều 12. Đối với các cơ quan khác trực thuộc Ủy ban nhân dân quận**

1. Thực hiện mối quan hệ phối hợp và hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định.

2. Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa có sự thống nhất ý kiến với cơ quan, đơn vị khác, Giám đốc Bệnh viện quận chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định. Cụ thể mối quan hệ phối hợp về chuyên môn nghiệp vụ:

a) Chỉ đạo tuyến (chuyên môn kỹ thuật) đối với Trạm Y tế phường trong hoạt động quản lý khám chữa bệnh thông thường, khám bảo hiểm y tế tại phường;

b) Phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng quận trong kế hoạch phát triển y tế tại địa phương;

c) Phối hợp với Phòng Y tế thực hiện các công tác thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn;

d) Báo cáo định kỳ theo quy định.

#### **Điều 13. Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức xã hội quận**

1. Thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân quận về phối hợp với các ban ngành, đoàn thể có liên quan để đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về công tác vệ sinh phòng dịch để tự chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2. Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Bệnh viện, Giám đốc có trách nhiệm giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

Căn cứ Quy chế này, Giám đốc Bệnh viện quận có trách nhiệm nghiên cứu cụ thể hóa chức năng nhiệm vụ, quyền hạn chức danh của công chức, viên chức, đề ra quy trình giải quyết một số công việc chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của Bệnh viện nhưng không trái với nội dung Quy chế này và quy định của pháp luật.

#### **Điều 15. Sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Bệnh viện đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Ngô Thành Luông**

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6440/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3426/TTr-GDDT-VP ngày 23 tháng 10 năm 2015; Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 5567/STP-KSTT và 5568/STP-KSTT ngày 16 tháng 10 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền

giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

## THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6440/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2015*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

#### 1. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo:

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định thủ tục hành chính
1	Thủ tục cấp, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm <i>(có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học phổ thông)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm.</li> <li>- Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân ban hành quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Quyết định số 140/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về huỷ bỏ Điều 5 Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.</li> </ul>
2	Thủ tục Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.
3	Thủ tục Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa <i>(đối với các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung học phổ thông, trung học phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ</i>	Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.



	<p><i>thông, phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học, trường chuyên, trường năng khiếu, các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ, tin học, và các đơn vị thuộc trường đại học, cao đẳng đặt ngoài khuôn viên của trường)</i></p>	
--	--	--

**2. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận – huyện:**

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định thủ tục hành chính
1	<p>Thủ tục cấp, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm <i>(có nội dung thuộc chương trình tiểu học, trung học cơ sở hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học cơ sở)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm.</li> <li>- Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân ban hành quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Quyết định số 140/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hủy bỏ Điều 5 Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.</li> </ul>
2	<p>Thủ tục Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa<i>(đối với nhà trẻ, nhóm trẻ; trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, phổ thông trung học bán trú và trung tâm học tập cộng đồng)</i></p>	<p>Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.</p>

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

#### 1. Thủ tục cấp, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm.

##### - Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Các tổ chức, cá nhân hoặc nhóm giáo viên tổ chức dạy thêm, học thêm (có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học phổ thông) chuẩn bị hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Giáo dục và Đào tạo (địa chỉ: 66 – 68 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1) vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ)

Thời hạn của giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm nhiều nhất là 24 tháng kể từ ngày ký; trước khi hết hạn 01 tháng phải tiến hành thủ tục gia hạn (nếu có nhu cầu). **Thủ tục gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm** được thực hiện như thủ tục cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm.

+ Bước 2: Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì ghi biên nhận có ngày trả kết quả cho người nộp hồ sơ; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Bước 3: Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét cấp Giấy phép dạy thêm, học thêm cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không cấp, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

+ Bước 4: Người nộp hồ sơ căn cứ ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- **Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp tại Bộ phận nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Giáo dục và Đào tạo.

##### - Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

➤ Đối với dạy thêm, học thêm trong nhà trường:

- Một (01) tờ trình xin cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm.

- Một (01) danh sách trích ngang người đăng ký dạy thêm đảm bảo các yêu cầu tại Điều 8 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

- Một (01) bản kế hoạch tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong đó nêu rõ các nội dung về: đối tượng học thêm, nội dung dạy thêm; địa điểm, cơ sở vật chất tổ chức dạy thêm; mức thu và phương án chi tiền học thêm, phương án tổ chức dạy thêm, học thêm.

➤ Đối với dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường:

- Một (01) đơn xin cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm trong đó cam kết với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi đặt điểm dạy thêm, học thêm thực hiện các quy định về dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường và trách nhiệm giữ gìn trật tự, an ninh, đảm bảo vệ sinh môi trường nơi tổ chức dạy thêm, học thêm.

- Một (01) danh sách trích ngang người tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm và người đăng ký dạy thêm. Người đang làm công chức, viên chức không được làm Hiệu trưởng các tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường.

- Một (01) đơn xin dạy thêm có dán ảnh của người đăng ký dạy thêm và có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Một (01) bản sao hợp lệ bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của người tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm và người đăng ký dạy thêm.

- Một (01) giấy khám sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên hoặc Hội đồng giám định y khoa cấp cho người tổ chức dạy thêm, học thêm và người đăng ký dạy thêm.

- Một (01) bản kế hoạch tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong đó nêu rõ các nội dung về: đối tượng học thêm, nội dung dạy thêm, địa điểm, cơ sở vật chất tổ chức dạy thêm, mức thu tiền học thêm, phương án tổ chức dạy thêm, học thêm.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức, cá nhân Việt Nam.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không có.

- **Phí, lệ phí:** không có.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép dạy thêm (hoặc Văn bản từ chối không cấp có nêu rõ lý do).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 4, 8, 9, 10 Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

\* Các trường hợp không được dạy thêm (Điều 4 Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT):

+ Trẻ em trước khi vào lớp 1.

+ Học sinh đã được nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

+ Học sinh tiểu học, trừ các trường hợp: bồi dưỡng về nghệ thuật, thể dục thể thao, rèn luyện kỹ năng sống.

+ Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và trường dạy nghề không tổ chức dạy thêm, học thêm các nội dung theo chương trình giáo dục phổ thông.

+ Đối với giáo viên đang hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập: không được tổ chức dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường nhưng có thể tham gia dạy thêm ngoài nhà trường tại những cơ sở đã được cấp phép hoạt động; không được dạy thêm ngoài nhà trường đối với học sinh mà giáo viên đang dạy chính khóa khi chưa được sự cho phép của Thủ trưởng cơ quan quản lý giáo viên đó cho phép.

\* Người tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm và người dạy thêm (Điều 8, Điều 9 Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT):

+ Đạt trình độ chuẩn được đào tạo đối với từng cấp học theo quy định của Luật Giáo dục.

+ Có đủ sức khỏe.

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân và các quy định của pháp luật; hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại cơ quan công tác (đối với người dạy thêm).

+ Không trong thời gian bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế, bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục; không bị kỷ luật với hình thức buộc thôi việc.

+ Được thủ trưởng cơ quan quản lý cho phép hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận (đối với người dạy thêm).

\* Cơ sở vật chất (Điều 10 Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT):

+ Cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm, học thêm phải đảm bảo yêu cầu quy định tại Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 18/4/2000 của Bộ Y tế về vệ sinh trường học và Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trong đó có các yêu cầu tối thiểu:

+ Địa điểm tổ chức dạy thêm, học thêm đảm bảo an toàn cho người dạy và người học; ở xa những nơi phát sinh các hơi khí độc hại, khói, bụi, tiếng ồn; ở xa các trục đường giao thông lớn, sông, suối, thác, ghềnh hiểm trở.

+ Phòng học đảm bảo diện tích trung bình từ 1,10m<sup>2</sup>/học sinh trở lên; được thông gió và đủ độ chiếu sáng tự nhiên hoặc nhân tạo; đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh, phòng bệnh.

+ Kích thước bàn, ghế học sinh và bố trí bàn, ghế học sinh trong phòng học đảm bảo các yêu cầu tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHHCN-BYT ngày 16/6/2011.

+ Bảng học được chống lóa; kích thước, màu sắc, cách treo bảng học đảm bảo các yêu cầu tại Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 18/4/2000.

+ Có công trình vệ sinh và có nơi chứa rác thải hợp vệ sinh.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm.

- Chỉ thị số 2325/CT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh tình trạng dạy học trước chương trình lớp 1.

- Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

- Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân ban hành quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 140/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hủy bỏ Điều 5 Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **2. Thủ tục Cấp Giấy phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa**

### **- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Các đơn vị có liên quan đến hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa tại các cơ sở giáo dục chuẩn bị hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Giáo dục và Đào tạo (địa chỉ: 66 – 68 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1) vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ).

**Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn các cơ sở giáo dục và các đơn vị bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.

**Bước 3:** Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra các điều kiện hoạt động để giải quyết cấp phép hoặc không cấp phép. Trường hợp không đồng ý cấp phép, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Bước 4:** Các đơn vị căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giáo dục và Đào tạo.

**- Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp tại Bộ phận nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Giáo dục và Đào tạo.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

- Một (01) tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nội dung tờ trình nêu rõ: mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung đào tạo, bồi dưỡng; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm, tổ chức bộ máy, tài chính và các nguồn lực khác; cam kết đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, thực hiện nghiêm túc quy định của các cấp quản lý nơi tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Một (01) Giấy phép đăng ký kinh doanh (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Một (01) danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về ban lãnh đạo, các giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Một (01) kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các đơn vị

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giáo dục và Đào tạo TP HCM.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa hoặc văn bản từ chối không cấp có nêu rõ lý do.

- **Phí, lệ phí:** không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không có

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 4, 5, 6 Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

\* Cơ sở vật chất:

+ Có phòng học, phòng chức năng có đủ ánh sáng, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh trường học theo quy định.

+ Thiết bị dạy học phải bảo đảm an toàn, phù hợp với nội dung dạy học, hoạt động và tâm lý lứa tuổi người học.

\* Giáo viên, báo cáo viên, huấn luyện viên:

+ Có đủ điều kiện về sức khỏe.

+ Có phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan.

\* Giáo trình, tài liệu:

+ Có đủ giáo trình, tài liệu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc phê duyệt. Nếu giáo trình, tài liệu tự lựa chọn hoặc tự xây dựng thì phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động hoặc cơ quan xác nhận đăng ký hoạt động theo quy định chấp thuận; đảm bảo yêu cầu, có nội dung phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam, không trái với các quy định của pháp luật.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Căn cứ Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.



### **3. Thủ tục Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với các cơ sở giáo dục**

#### **- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Các cơ sở giáo dục chuẩn bị hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Giáo dục và Đào tạo (địa chỉ: 66 – 68 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1) vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ).

**Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn các cơ sở giáo dục và các đơn vị bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.

**Bước 3:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giáo dục và Đào tạo xác nhận đăng ký hoạt động vào công văn đăng ký của cơ sở giáo dục với nội dung: xác nhận đã đăng ký hoạt động và gửi trả lại cho cơ sở giáo dục. Nếu không đồng ý cho hoạt động, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Bước 4:** Các cơ sở giáo dục căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giáo dục và Đào tạo.

**- Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp tại Bộ phận nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Giáo dục và Đào tạo.

#### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

- Một (01) công văn đăng ký tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Một (01) danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về ban lãnh đạo, các giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Một (01) kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các cơ sở giáo dục.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- **Phí, lệ phí:** không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không có.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 4 Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

\* Cơ sở vật chất:

+ Có phòng học, phòng chức năng có đủ ánh sáng, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh trường học theo quy định.

+ Thiết bị dạy học phải bảo đảm an toàn, phù hợp với nội dung dạy học, hoạt động và tâm lý lứa tuổi người học.

\* Giáo viên, báo cáo viên, huấn luyện viên:

+ Có đủ điều kiện về sức khoẻ.

+ Có phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan.

\* Giáo trình, tài liệu:

+ Có đủ giáo trình, tài liệu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc phê duyệt. Nếu giáo trình, tài liệu tự lựa chọn hoặc tự xây dựng thì phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động hoặc cơ quan xác nhận đăng ký hoạt động theo quy định chấp thuận; đảm bảo yêu cầu, có nội dung phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam, không trái với các quy định của pháp luật.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Căn cứ Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và

---

Đào tạo quy định về hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN – HUYỆN**

### **1. Thủ tục cấp, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm.**

#### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Các tổ chức, cá nhân hoặc nhóm giáo viên tổ chức dạy thêm, học thêm (có nội dung thuộc chương trình tiểu học, trung học cơ sở hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học cơ sở) chuẩn bị hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ tại nơi tiếp nhận và trả kết quả của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện.

Thời hạn của giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm nhiều nhất là 24 tháng kể từ ngày ký; trước khi hết hạn 01 tháng phải tiến hành thủ tục gia hạn (nếu có nhu cầu). **Thủ tục gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm** được thực hiện như thủ tục cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm.

+ Bước 2: Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì ghi biên nhận có ngày trả kết quả cho người nộp hồ sơ; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Bước 3: Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện xem xét cấp Giấy phép dạy thêm, học thêm cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không cấp, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do.

+ Bước 4: Người nộp hồ sơ căn cứ ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại nơi tiếp nhận và trả kết quả của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện.

**- Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp tại nơi tiếp nhận và trả kết quả của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện.

#### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

➤ Đối với dạy thêm, học thêm trong nhà trường:

- Một (01) tờ trình xin cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm.

- Một (01) danh sách trích ngang người đăng ký dạy thêm đảm bảo các yêu cầu tại Điều 8 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT.

- Một (01) bản kế hoạch tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong đó nêu rõ các nội dung về: đối tượng học thêm, nội dung dạy thêm; địa điểm, cơ sở vật chất tổ

chức dạy thêm; mức thu và phương án chi tiền học thêm, phương án tổ chức dạy thêm, học thêm.

➤ Đối với dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường:

- Một (01) đơn xin cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm trong đó cam kết với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi đặt điểm dạy thêm, học thêm thực hiện các quy định về dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường và trách nhiệm giữ gìn trật tự, an ninh, đảm bảo vệ sinh môi trường nơi tổ chức dạy thêm, học thêm.

- Một (01) danh sách trích ngang người tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm và người đăng ký dạy thêm. Người đang làm công chức, viên chức không được làm Hiệu trưởng các tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường.

- Một (01) đơn xin dạy thêm có dán ảnh của người đăng ký dạy thêm và có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Một (01) bản sao hợp lệ bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của người tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm và người đăng ký dạy thêm.

- Một (01) giấy khám sức khỏe do bệnh viên đa khoa cấp huyện trở lên hoặc Hội đồng giám định y khoa cấp cho người tổ chức dạy thêm, học thêm và người đăng ký dạy thêm.

- Một (01) bản kế hoạch tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong đó nêu rõ các nội dung về: đối tượng học thêm, nội dung dạy thêm, địa điểm, cơ sở vật chất tổ chức dạy thêm, mức thu tiền học thêm, phương án tổ chức dạy thêm, học thêm.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức, cá nhân Việt Nam.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không có.

- **Phí, lệ phí:** không có.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép dạy thêm (hoặc Văn bản từ chối không cấp có nêu rõ lý do).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 4, 8, 9, 10 Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

\* Các trường hợp không được dạy thêm (Điều 4 Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT):

+ Trẻ em trước khi vào lớp 1.

+ Học sinh đã được nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

+ Học sinh tiểu học, trừ các trường hợp: bồi dưỡng về nghệ thuật, thể dục thể thao, rèn luyện kỹ năng sống.

+ Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và trường dạy nghề không tổ chức dạy thêm, học thêm các nội dung theo chương trình giáo dục phổ thông.

+ Đối với giáo viên đang hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập: không được tổ chức dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường nhưng có thể tham gia dạy thêm ngoài nhà trường tại những cơ sở đã được cấp phép hoạt động; không được dạy thêm ngoài nhà trường đối với học sinh mà giáo viên đang dạy chính khóa khi chưa được sự cho phép của Thủ trưởng cơ quan quản lý giáo viên đó cho phép.

\* Người tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm và người dạy thêm (Điều 8, Điều 9 Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT):

+ Đạt trình độ chuẩn được đào tạo đối với từng cấp học theo quy định của Luật Giáo dục.

+ Có đủ sức khoẻ.

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân và các quy định của pháp luật; hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại cơ quan công tác (đối với người dạy thêm).

+ Không trong thời gian bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế, bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục; không bị kỷ luật với hình thức buộc thôi việc.

+ Được thủ trưởng cơ quan quản lý cho phép hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận (đối với người dạy thêm).

\* Cơ sở vật chất (Điều 10 Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT):

+ Cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm, học thêm phải đảm bảo yêu cầu quy định tại Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 18/4/2000 của Bộ Y tế về vệ sinh trường học và Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKH-CN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ

Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trong đó có các yêu cầu tối thiểu:

+ Địa điểm tổ chức dạy thêm, học thêm đảm bảo an toàn cho người dạy và người học; ở xa những nơi phát sinh các hơi khí độc hại, khói, bụi, tiếng ồn; ở xa các trục đường giao thông lớn, sông, suối, thác, ghềnh hiểm trở.

+ Phòng học đảm bảo diện tích trung bình từ 1,10m<sup>2</sup>/học sinh trở lên; được thông gió và đủ độ chiếu sáng tự nhiên hoặc nhân tạo; đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh, phòng bệnh.

+ Kích thước bàn, ghế học sinh và bố trí bàn, ghế học sinh trong phòng học đảm bảo các yêu cầu tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011.

+ Bảng học được chống lóa; kích thước, màu sắc, cách treo bảng học đảm bảo các yêu cầu tại Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 18/4/2000.

+ Có công trình vệ sinh và có nơi chứa rác thải hợp vệ sinh.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm.

- Chỉ thị số 2325/CT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh tình trạng dạy học trước chương trình lớp 1.

- Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

- Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân ban hành quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 140/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hủy bỏ Điều 5 Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **2. Thủ tục Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với các cơ sở giáo dục**

### **- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Các cơ sở giáo dục chuẩn bị hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp tại nơi tiếp nhận và trả kết quả của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện.

**Bước 2:** Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

▪ Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định cấp Biên nhận hồ sơ.

▪ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn các cơ sở giáo dục và các đơn vị bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.

**Bước 3:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện xác nhận đăng ký hoạt động vào công văn đăng ký của cơ sở giáo dục với nội dung: xác nhận đã đăng ký hoạt động và gửi trả lại cho cơ sở giáo dục. Nếu không đồng ý cho hoạt động, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Bước 4:** Các cơ sở giáo dục căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện.

**- Cách thức thực hiện:** nộp trực tiếp tại nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

- Một (01) công văn đăng ký tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Một (01) danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về ban lãnh đạo, các giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Một (01) kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.



- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các cơ sở giáo dục.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- **Phí, lệ phí:** không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không có.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 4 Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

\* Cơ sở vật chất:

+ Có phòng học, phòng chức năng có đủ ánh sáng, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh trường học theo quy định.

+ Thiết bị dạy học phải bảo đảm an toàn, phù hợp với nội dung dạy học, hoạt động và tâm lý lứa tuổi người học.

\* Giáo viên, báo cáo viên, huấn luyện viên:

+ Có đủ điều kiện về sức khoẻ.

+ Có phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan.

\* Giáo trình, tài liệu:

+ Có đủ giáo trình, tài liệu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc phê duyệt. Nếu giáo trình, tài liệu tự lựa chọn hoặc tự xây dựng thì phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động hoặc cơ quan xác nhận đăng ký hoạt động theo quy định chấp thuận; đảm bảo yêu cầu, có nội dung phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam, không trái với các quy định của pháp luật.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Căn cứ Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2015*

## **CHỈ THỊ**

### **Về tăng cường hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Luật hòa giải ở cơ sở có hiệu lực từ ngày 01 năm 01 năm 2014. Sau gần hai năm thực hiện, đến nay, công tác hòa giải ở cơ sở vẫn chưa có những thay đổi rõ rệt, công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở tại một số quận, huyện chưa hiệu quả, nhiều xã, phường, thị trấn còn lúng túng trong việc xác định số lượng và mô hình hoạt động của tổ hòa giải, làm ảnh hưởng đến việc củng cố, kiện toàn tổ hòa giải và lực lượng hòa giải viên ở cơ sở trên địa bàn Thành phố; việc chi hỗ trợ cho hoạt động hòa giải chưa được thực hiện đầy đủ.

Mặt khác, mặc dù Luật hòa giải ở cơ sở đã quy định rõ chính sách của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở là phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng hướng dẫn cụ thể các nội dung phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam địa phương với chính quyền địa phương các cấp, tuy nhiên, thời gian qua, vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc trên địa bàn Thành phố trong công tác hòa giải ở cơ sở chưa được phát huy đúng mức.

Nhằm triển khai thi hành có hiệu quả Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành, tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan, đặc biệt là phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác hòa giải ở cơ sở, phát huy truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư, góp phần phòng ngừa và hạn chế các vi phạm pháp luật, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ thị như sau:

## I. TRÁCH NHIỆM CHUNG

Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm:

1. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành, giới thiệu rộng rãi về hoạt động cụ thể của tổ hòa giải và lực lượng hòa giải viên bằng các hình thức và biện pháp thích hợp nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng và hiệu quả của công tác hòa giải ở cơ sở.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch triển khai thi hành Luật hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố (*ban hành kèm theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố*) nhằm phát huy vai trò tự nguyện, tự quản của Nhân dân trong hoạt động hòa giải, củng cố tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở để chất lượng, hiệu quả công tác này ngày càng được nâng cao, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố.

Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn có trách nhiệm củng cố, kiện toàn và phân công công chức Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật (*Sở Tư pháp*), Phòng Tư pháp (*Ủy ban nhân dân các quận, huyện*), công chức Tư pháp - Hộ tịch (*Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn*) tham mưu thực hiện quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở.

3. Thực hiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của tổ hòa giải, hòa giải viên theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đã lập thành tích, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác hòa giải ở cơ sở.

## II. TRÁCH NHIỆM CỤ THỂ

### 1. Sở Tư pháp

a) Chủ động tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện trách nhiệm được quy định tại Khoản 1, Điều 4 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở.

b) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị

quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN; xây dựng, cung cấp tài liệu phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở, bồi dưỡng, tập huấn cho báo cáo viên pháp luật để thực hiện công tác phổ biến, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật về hòa giải ở cơ sở; xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố.

c) Giúp Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố có các biện pháp cụ thể để cung cấp thông tin pháp luật cho các tổ hòa giải, hòa giải viên một cách kịp thời, hiệu quả và thiết thực; in ấn, cấp phát và hướng dẫn sử dụng “Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở” theo mẫu và quy định của Bộ Tư pháp cho các tổ hòa giải trên địa bàn Thành phố.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố (*sau khi Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua Tờ trình số 7078/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố*) và thay thế Quyết định số 72/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

đ) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Hội Luật gia Thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam Thành phố và các đơn vị khác có liên quan hướng dẫn tổ hòa giải phối hợp với Ban công tác Mặt trận, Chi hội Luật gia, Chi hội Phụ nữ, Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Nông dân, Chi hội Người cao tuổi trong hoạt động hòa giải, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở, phấn đấu nâng cao tỷ lệ hòa giải thành đạt từ 80% trở lên theo định hướng của Bộ Tư pháp.

e) Chủ động giúp Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng kế hoạch và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức Hội thi “Hòa giải viên giỏi” trên địa bàn Thành phố định kỳ 2 năm 1 lần.

g) Chủ động hướng dẫn Phòng Tư pháp quận, huyện thực hiện công tác thống kê, báo cáo về hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định, phù hợp với thực tiễn để có cơ sở đánh giá vai trò của hòa giải viên cơ sở trong việc góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

## **2. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chỉ đạo và định hướng cho các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền, phổ biến về hoạt động hòa giải cơ sở với nội dung và thời lượng thích hợp.

### **3. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các quận, huyện củng cố, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác về hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố.

### **4. Sở Tài chính**

a) Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện nội dung nêu tại Điểm d, Khoản 1, Mục II Chỉ thị này.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động hòa giải ở cơ sở.

### **5. Ủy ban nhân dân quận, huyện**

a) Thực hiện tốt trách nhiệm trong quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở được quy định tại Khoản 2, Điều 4 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.

b) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN.

c) Kiện toàn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở cho công chức Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch phường, xã, thị trấn; tăng cường chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện củng cố, kiện toàn tổ hòa giải, đội ngũ hòa giải viên, hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

d) Chỉ đạo Phòng Tư pháp quận, huyện thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ hòa giải viên theo Chương trình khung bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên ban hành kèm theo Quyết định số 4077/QĐ-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; đưa các thông tin, sự kiện, hoạt động hòa giải ở cơ sở trên bản tin, cổng/trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân quận, huyện.

đ) Thực hiện tốt việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở, đảm bảo đúng quy định pháp luật, trong đó có Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố của Ủy ban nhân dân Thành phố; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện có hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở.

e) Chi đạo Phòng Tư pháp hướng dẫn công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện thống kê, báo cáo về hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định và hướng dẫn của Sở Tư pháp.

## **6. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn**

a) Thực hiện tốt trách nhiệm trong quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở được quy định tại Khoản 3, Điều 4 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, xã, thị trấn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN.

b) Kiện toàn tổ hòa giải, hòa giải viên theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; bảo đảm trên địa bàn có số lượng tổ hòa giải và hòa giải viên phù hợp với nhu cầu, tình hình kinh tế - xã hội, quy mô dân số của phường, xã, thị trấn; củng cố, kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch để thực hiện tốt nhiệm vụ về hòa giải ở cơ sở.

c) Chủ động xây dựng mô hình giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa các tổ hòa giải trên địa bàn; cung cấp các thông tin, sự kiện, hoạt động hòa giải ở cơ sở cho Phòng Tư pháp để phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến về hoạt động hòa giải cơ sở.

d) Tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải và hòa giải viên theo nội dung quy định tại Điều 13 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên thực hiện theo đúng quy định pháp luật (*thủ tục này đã được Bộ Tư pháp công bố tại Quyết định 3404/QĐ-BTP ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp*); khuyến khích các tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở.

đ) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp giữa tổ hòa giải với Ban công tác Mặt trận, Chi hội Luật gia, Chi hội Phụ nữ, Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Nông dân, Chi hội Người cao tuổi và các tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động hòa giải ở cơ sở tại xã, phường, thị trấn; phát huy vai trò của người được mời tham gia hòa giải theo quy định tại Điều 19 Luật hòa giải ở cơ sở; bảo đảm các tranh chấp, mâu thuẫn, vi phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP đều được tiến hành hòa giải tại các tổ hòa giải, nâng cao số lượng và chất lượng hòa giải thành trên địa bàn, phấn đấu nâng cao tỷ lệ hòa giải thành đạt từ 80% trở lên theo định hướng của Bộ Tư pháp.

e) Báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu thống kê, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp (*nếu có*) và Phòng Tư pháp về kết quả thi hành pháp luật về hòa giải ở cơ sở; chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện thống kê, báo cáo về hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định và hướng dẫn của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp.

### **7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, quận, huyện, phường, xã, thị trấn**

a) Tăng cường sự phối hợp với chính quyền cùng cấp ở địa phương trong công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định tại Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTU<sup>MTT</sup>QVN nhằm đẩy mạnh thực hiện các hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật, góp phần nâng cao tỷ lệ hòa giải thành trên địa bàn.

b) Phối hợp với chính quyền cùng cấp xây dựng các văn bản, chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở; gắn hoạt động hòa giải với việc xây dựng và thực hiện các phong trào quần chúng ở địa phương, giới thiệu rộng rãi về hoạt động của tổ hòa giải và lực lượng hòa giải viên để phát huy hơn nữa hiệu quả mô hình hòa giải ở cơ sở.

c) Tích cực phối hợp với Ủy ban nhân dân, cơ quan tư pháp cùng cấp trong việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; lồng ghép thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước; hỗ trợ tài liệu, phổ biến pháp luật phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định tại Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTU<sup>MTT</sup>QVN.

d) Hướng dẫn Ban công tác Mặt trận phối hợp với Tổ trưởng tổ hòa giải, Tổ trưởng tổ dân phố rà soát, đánh giá, kiện toàn tổ hòa giải; tổ chức bầu, đề nghị công nhận, cho thôi làm Tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên theo quy định tại Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTU<sup>MTT</sup>QVN và Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.

### **8. Đề nghị Liên đoàn Lao động Thành phố, Hội Cựu chiến binh Thành phố, Hội Nông dân Thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam Thành phố, Hội Người cao tuổi Thành phố, Thành Đoàn, Hội Luật gia Thành phố, Đoàn Luật sư Thành phố**

Đẩy mạnh việc chỉ đạo các tổ chức, đơn vị trực thuộc và các thành viên tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở, tạo mọi điều kiện để thành viên, hội viên tham gia hoạt động hòa giải ở cơ sở tại xã, phường, thị trấn, góp phần bảo đảm các

tranh chấp, mâu thuẫn, vi phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP đều được tiến hành hòa giải, góp phần nâng cao chất lượng công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn.

### **9. Các cơ quan báo chí Thành phố**

Các cơ quan báo chí Thành phố chú trọng phổ biến Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành bằng các hình thức và biện pháp thích hợp, giới thiệu rộng rãi về hoạt động cụ thể của tổ hòa giải và lực lượng hòa giải viên để tôn vinh, khuyến khích, góp phần phát huy hơn nữa hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời phản ánh để Sở Tư pháp chủ động hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết.

**2.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Liên đoàn Lao động Thành phố, Hội Cựu chiến binh Thành phố, Hội Nông dân Thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam Thành phố, Hội Người cao tuổi Thành phố, Thành Đoàn, Hội Luật gia Thành phố, Đoàn Luật sư Thành phố phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị này.

**3.** Giao Giám đốc Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tất Thành Cang**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2015*

## **CHỈ THỊ**

### **Về việc triển khai các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), TPP và Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước ta tiếp tục diễn ra nhanh chóng và ngày càng sâu rộng, đặc biệt đã kết thúc đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, với các đối tác có nền kinh tế thị trường phát triển cao như Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), mặt khác việc thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đất nước ta nói chung, cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam nói riêng; đây là cơ hội lớn và là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường xuất khẩu, người tiêu dùng trong nước có thêm sự lựa chọn về hàng hóa, dịch vụ có chất lượng cao, giá cả cạnh tranh. Tuy nhiên, doanh nghiệp trong nước cũng đối diện với nhiều thách thức, cạnh tranh gay gắt hơn không chỉ trên thị trường thế giới mà ngay cả trên thị trường nội địa, gây khó khăn trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, ảnh hưởng, tác động đến phát triển kinh tế của Thành phố.

Để cả hệ thống chính trị, các cơ quan quản lý Nhà nước từ Thành phố đến cơ sở, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân Thành phố chủ động tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức trong quá trình hội nhập; đồng thời thực hiện thắng lợi mục tiêu hội nhập toàn diện theo chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, mang lại lợi ích thật sự cho doanh nghiệp, người dân, góp phần tăng trưởng kinh tế, giữ vững an ninh, chính trị, đảm bảo an sinh xã hội và phát triển bền vững, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ thị:

1. Trung tâm hỗ trợ hội nhập quốc tế Thành phố chủ trì phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương và các cơ quan báo, đài Thành phố xây dựng Kế hoạch thông tin tuyên truyền của Thành phố về cam kết của Việt Nam đối với các

nước khi tham gia các FTA, TPP, AEC, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt trong tháng 12 năm 2015. Kế hoạch cần nêu rõ đối tượng, nội dung, lĩnh vực và phương thức thông tin để đảm bảo hiệu quả truyền thông cao nhất, giúp các đối tượng liên quan tiếp cận dễ dàng nguồn thông tin, cụ thể: lộ trình cắt giảm thuế, cơ hội và thách thức, quy trình giám sát của các đối tác đối với quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam....

2. Sở Tư pháp chủ trì phối hợp các Sở - ngành chức năng tổ chức rà soát, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh, bổ sung các quy định, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố để phù hợp với các cam kết của Việt Nam với các nước khi tham gia các FTA, TPP, AEC.

3. Sở Công Thương chủ trì phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp hội doanh nghiệp Thành phố, Cục Thuế Thành phố, Cục Hải quan Thành phố, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, các Sở - ngành liên quan nghiên cứu tham mưu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố các chính sách nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường, trong đó tập trung các vấn đề sau:

a) Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ và máy móc thiết bị, trong đó ưu tiên công nghệ cao, hiện đại từ các nước tiên tiến, đảm bảo sản xuất bền vững, hiệu quả lâu dài; chú trọng tranh thủ nguồn tài trợ, hỗ trợ vốn từ các tổ chức tín dụng trong nước và quốc tế để thúc đẩy hoạt động đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng (R&D) trong doanh nghiệp, phát huy tối đa lợi thế của doanh nghiệp trong quá trình hội nhập.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực, chú trọng nguồn nhân lực được đào tạo, chất lượng cao; hỗ trợ, tư vấn đổi mới cách thức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và nâng cao kỹ năng quản trị doanh nghiệp sát với thực tiễn và đáp ứng các điều kiện mới, đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp tiến tới các chuẩn mực chung của các nước có nền kinh tế thị trường phát triển. Từng bước chuyển giao hoạt động đào tạo và hỗ trợ doanh nghiệp cho các Hiệp hội doanh nghiệp và Hội ngành nghề để đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển của từng ngành.

c) Tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp, đặc biệt là tiếp cận thị trường xuất nhập khẩu và ưu tiên các thị trường đã có hoặc sắp có FTA với Việt Nam nhằm khai thác tối đa lợi thế khi mở cửa thị trường; nâng cao hiệu quả và chất lượng của hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; hỗ trợ sự kết nối giữa các doanh nghiệp nhằm xây dựng, tham gia và nâng cao các chuỗi giá trị, giúp doanh nghiệp kết nối với khu vực FDI.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp các Sở - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện tập trung thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số 3301/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2015) triển khai Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016; đề xuất các giải pháp cải thiện các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp địa phương như PCI, PAPI, PAR Index...; rà soát các cơ chế, chính sách, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế và yêu cầu của hội nhập, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng phục vụ cho hội nhập quốc tế.

5. Sở Công Thương chủ trì phối hợp các Sở - ngành chức năng tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam", phát huy vai trò tiên phong của Thành phố trong việc thực hiện Chương trình bình ổn, mở rộng hệ thống cửa hàng tiện ích, mạng lưới kinh tế hợp tác để từng bước thay đổi tập quán tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa có chất lượng cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của người dân Thành phố, khơi dậy lòng tự hào, tự tôn dân tộc khi người Việt dùng hàng Việt.

6. Thủ trưởng các Sở - ngành (thành viên Ban Chỉ đạo 389 Thành phố), Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hàng gian, hàng giả, kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật; thực hiện công khai minh bạch công tác thanh tra kiểm tra, giám sát thị trường chuyên ngành và tập trung công tác tuyên truyền, vận động doanh nghiệp và người dân; đồng thời nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

7. Sở Công Thương chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các Sở - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị này, kịp thời báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng